

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/01/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	13	0		12	0	
2		AMD+P9+P10	7:25	1+17+4	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
3		P6+CIO+PPD	7:25	0+0+20	0+0+0		1+0+21	0+0+0	CHUYEN 1 P6-CIO
4		P11+P4+CNV	7:25	5+15+0	0+0+0		2+19+1	0+0+0	
5		RP3+RP2+P2	7:25	11+1+10	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
6		BK4+P2+P5	9:25	5+17+0	0+0+0		1+17+4	0+0+0	
7		P10+BK3+BK10	9:25	13+4+5	0+0+0		3+8+11	0+0+0	CHUYEN 1 BK3-BK10
8		BK15+P8+PPD	9:25	7+5+10	0+0+0		6+4+12	0+0+0	
9		BK15+P10+CTK3	9:25	7+14+1	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
10		PVD2+P11+BK4	11:25	14+0+6	0+0+0		1+4+17	0+0+0	
11		HSD+AMD+P9	11:25	2+0+20	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
12		TD2	11:25	11	0		6	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/BI VE TRONG NGÀY P9-3NG, P11-1NG, AMD-1NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2021	TO: TD2	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HLONG - TRƯỜNG	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO XUÂN VANG	TD2				80	80	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN KÝ	TD2	74-75	2	15	17	68	YTE	Vietnamese
3	BUI THỌ DUONG	TD2	70	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
4	TRỊNH QUỐC KHANH	TD2	36	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH DUY HAI	TD2	69	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VIỆT LINH	TD2	66-67	2	12		102	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN VĂN DIỆP	TD2					81	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VINH THUẬT	TD2	64	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	71-72	2	8		81	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN MINH	TD2	73	1	11		62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC KHANH	TD2	63	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN THUY	TD2	68	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC NGU-PVD	TD2	65	1	5		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	13	14	88	979	97	12		
	TOTAL	13	14	88	979	97	12		
	WEIGHT KG			88	979	97			

GRAND TOAL: 1.164 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:31
FLIGHT: 02/**/*-	TO: AMD - P9 - P10	CREW: Hạnh - NPhú - NNam	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH AN	AMD	31	1	5		60	DK ABS	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG HIỂU	P9	74	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU MINH HUNG	P9	72	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN LINH	P9					78	NIPI	Vietnamese
5	LÂM THỊ HƯƠNG	P9	73	1	4		63	NIPI	Vietnamese
6	HỒ ĐỨC HIỂN	P9	67	1	10		50	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN TÂN HOÀNG	P9	79	1	9		65	PV GAS	Vietnamese
8	TRẦN VĂN QUÊ	P9	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	80	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	66	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯƠNG THẾ DŨNG	P9	65	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TAM THUY	P9	70	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN LINH	P9	75-76	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ LĂNG TÚ	P9	68-69	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	82-83	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ NAM GIANG	P9	77-78	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	84	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TUÂN ANH	P9	71	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HỮU BAO	P10	90-91	2	17		90	KH-THAC	Vietnamese
20	BADIKOV M.F.	P10	93	1	5	60	72	KH-THAC	Russian
21	TRẦN VĂN THẮNG	P10	97	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	92	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	1	1	5	60	0	0		
2	P9	17	20	132	1.190	0	14		
3	P10	4	5	35	312	60	8		
TOTAL		22	26	172	1.562	60	22		
WEIGHT KG				172	1.562	60			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: P6 - CLO - PPD	CREW: QViệt - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	26-27	2	10		70	KHI	Vietnamese
2	OKOVANSEV G.P	PPD	12	1	18		115	KHI	Russian
3	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	14	1	7		76	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	08	1	4		80	KHI	Vietnamese
5	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	21	1	4		70	KHI	Vietnamese
6	NGO SỸ THANH	PPD	23	1	6		84	KHI	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC THĂNG	PPD	07	1	5		78	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	09-10	2	12		74	KHI	Vietnamese
9	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	20	1	5	40	69	KHI	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	19	1	5		53	KHI	Vietnamese
11	ĐO VĂN TUÂN	PPD	11	1	5		72	KHI	Vietnamese
12	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	16-17	2	9		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	18	1	5		75	KHI	Vietnamese
14	LÊ NGỌC SƠN	PPD	24	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HOANG	PPD	04	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	LÊ TRUNG LÂN	PPD	28	1	3		78	KHI	Vietnamese
17	LUƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	13	1	5		63	KHI	Vietnamese
18	LÊ THANH TRUNG	PPD	22	1	4		63	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TU	PPD	15	1	7		75	KHI	Vietnamese
20	TRƯƠNG HAI HÀ	PPD	25	1	5		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	0	0	0	0	0	1	1	CHUYỂN 1 KHÁCH TỪ P6 SANG CLO
2	CLO	0	0	0	0	0	0		
3	PPD	20	23	130	1.475	40	21		
TOTAL		20	23	130	1.475	40	22		
WEIGHT KG				130	1.475	40			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: P11 - P4 - CNV	CREW: Khang - CHIẾN - DTùng	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TARGANOV	P11					90	ANTOAN	Russian
2	NGUYỄN DUY HÀ	P11	36-37	2	14		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG BĂNG	P11	34	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HIEU	P11	35	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HIỆN	P11	32-33	2	4		69	PSV	Vietnamese
6	SUDAKOV A.A	P4	29	1	11	30	112	KHI	Russian
7	NGUYỄN VĂN NĂM	P4					62	KHI	Vietnamese
8	PHẠM QUỐC DUY	P4	35	1	3		61	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VĂN PHÚC	P4	36	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	32	1	3		72	KHI	Vietnamese
11	SOKOLIUK S.M	P4	27-28	2	10		88	KH-THAC	Russian
12	DƯƠNG ĐÌNH HIỆN	P4	37	1	4		66	KHI	Vietnamese
13	LÊ VĂN HOÀN	P4					68	KHI	Vietnamese
14	LÊ VĂN MẠNH	P4					59	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG NAM	P4	34	1	3		66	KHI	Vietnamese
16	LÊ QUANG VINH	P4	31	1	9		70	KHI	Vietnamese
17	HOÀNG ĐỨC LÂM ANH	P4	30	1	5		78	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG NHẬT MINH	P4	40	1	10		80	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	33	1	7		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

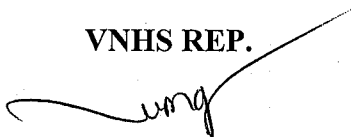
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	5	6	24	361	0	2		
2	P4	14	12	70	1.030	30	19		
3	CNV	0	0	0	0	20	1		
TOTAL		19	18	94	1.391	50	22		
WEIGHT KG				94	1.391	50			

GRAND TOAL: 1.535 KGS

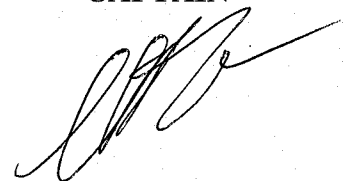
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2021	TO: RP3 - RP2 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	88-89	2	10		81	KH-THAC	Vietnamese
2	REVIKIN V.N	RP3	91	1	8		99	KHI	Russian
3	LE NHU NGUYEN	RP3	85	1	7		60	KHI	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	68	1	8		76	KHI	Vietnamese
5	HA VAN THUY	RP3	92	1	4		74	KHI	Vietnamese
6	PHẠM VĂN KÝ	RP3	69	1	2	35	68	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CÚ	RP3	86-87	2	13		60	KHI	Vietnamese
8	HOANG VĂN HAI	RP3	70	1	7		62	KHI	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC KHANH	RP3					85	KHI	Vietnamese
10	VÕ ĐÓN LONG	RP3	90	1	6		68	KHI	Vietnamese
11	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	88	1	7		58	KHI	Vietnamese
12	PANOV	RP2	30-31	2	8	70	92	NIP	Russian
13	ZAKHARIN SERGEY	P2	03-04	2	20		110	KH-THAC	Russian
14	PHẠM XUÂN HOÀ	P2	02	1	6		76	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	P2	06	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	P2	07	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	DANG QUANG TÊ	P2	10	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VU VĂN CUÔNG	P2	08-09	2	8		90	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ CÔNG ANH	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ TRI HAO	P2					69	KH-THAC	Vietnamese
21	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	01	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TẠ GIA SƠN	P2	05	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	11	12	72	791	35	11		
2	RP2	1	2	8	92	70	0		
3	P2	10	10	58	766	0	11		
TOTAL		22	24	138	1.649	105	22		
WEIGHT KG				138	1.649	105			

GRAND TOAL: 1.892 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2021	TO: BK4 - P2 - P5	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - NPhú - NNam	ETA: 11:10
XANH-2			

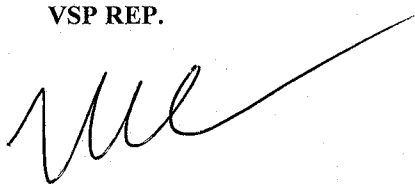
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KURPASOV VALERII	BK4	48	1	10	30	72	KH-THAC	Russian
2	TÔNG TRUNG HUY	BK4	47	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHAU	BK4	50-51	2	10		61	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO TRỌNG LƯỢNG	BK4	45-46	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC ĐIỀU	BK4	49	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
6	HỒ HỮU LINH	P2	17	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	18	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	15	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	21	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THIÊN NAM	P2	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI HOANG TÂM	P2	23	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ANH DỤC	P2	13	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	19	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HIỀN TRƯỞNG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG MINH QUÂN	P2					69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN GIAU	P2	20	1	4		66	PSV	Vietnamese
18	HOANG QUỐC LONG	P2	12	1	5		58	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG THỊNH	P2	16	1	4		78	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN ĐẠI	P2	22	1	5		71	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN LỤC	P2	11	1	6		97	PSV	Vietnamese
22	TRẦN VĂN ĐỨC	P2					55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

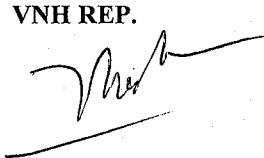
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	5	7	61	354	30	1		
2	P2	17	13	67	1.196	0	17		
3	P5	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		22	20	128	1.550	50	22		
WEIGHT KG				128	1.550	50			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

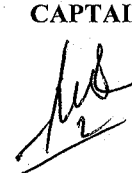
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 07	TO: P10 - BK3 - BK10	CREW: QViệt - MTHAO - MQUÂN	ETA: 11:15
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	51	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ BAO TRUNG	P10	55	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THAO	P10					69	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐĂNG HOANG	P10	46	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CUONG	P10	52-53	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH XUÂN QUÂN	P10	47	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN KHANH TOAN	P10	49	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	54	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG ĐÌNH QUÊ	P10	48	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	50	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MẠNH HÙNG	P10	45	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC ANH	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	44	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI HAI HA	BK3	90-91	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ CÔNG VINH	BK3	97	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI TRẦN VIỆT	BK3	93-94	2	13	40	63	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	92	1	5		58	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	26	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN CHÂU NAM	BK10	22	1	10		86	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ TUÂN VIỆT	BK10	20-21	2	16	40	68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	25	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI CAO ĐỊNH	BK10	19	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	13	12	61	955	0	3		CHUYEN 1 PAX BK3 SANG BK10
2	BK3	4	6	39	259	40	8 + 1		
3	BK10	5	6	42	329	40	11		
TOTAL		22	24	142	1.543	80	22		
WEIGHT KG				142	1.543	80			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2021	TO: BK15 - P8 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - DTùng	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOEVODCHENKOV N. V	BK15	50	1	4		100	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN HOANG KHA	BK15	98	1	10	50	75	KH-THAC	Vietnamese
3	LIU TIEN THANH	BK15	99	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN QUANG HOANG	BK15	46	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET HUNG	BK15	94	1	15		61	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM DE	BK15	95	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
7	VO TIEN PHAT	BK15				22	70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN HOANG GIANG	P8	29	1	8	40	70	KH-THAC	Vietnamese
9	VU QUANG VINH	P8	30-31	2	13		75	XAYLAP	Vietnamese
10	DAO MINH TIEN	P8				23	67	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM VAN LUONG	P8	34	1	14		64	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN DUC HAO	P8	35	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
13	TRINH QUOC THANH	PPD	66	1	7		98	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	65	1	4		74	KHI	Vietnamese
15	VU DUC HOANG	PPD	94	1	6		66	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN ANH TAI	PPD	95	1	5		74	KHI	Vietnamese
17	ARIUSHIN	PPD	90	1	14		95	ANTOAN	Russian
18	TRAN DUC THUAN	PPD	97	1	10		76	PSV	Vietnamese
19	PHAN DUC THUAN	PPD	96	1	4		70	PSV	Vietnamese
20	PHAM NGOC CUONG	PPD	64	1	4		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN ANH DAO	PPD	91	1	6		74	DUYLINH	Vietnamese
22	PHAM VAN SON	PPD	92-93	2	12		61	DUYLINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	7	6	56	524	72	6		
2	P8	5	5	44	351	63	4		
3	PPD	10	11	72	753	0	12		
TOTAL		22	22	172	1.628	135	22		
WEIGHT KG				172	1.628	135			

GRAND TOAL: 1.935 KGS

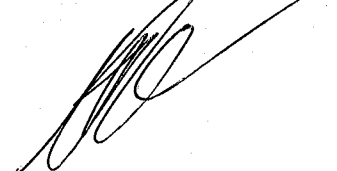
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 09	TO: BK15 - P10 - CTK3	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 11:30
TRANG-2			

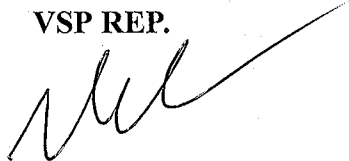
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUÝ BUÔNG	BK15	78	1	15		58	XAYLAP	Vietnamese
2	VŨ MẠNH THĂNG	BK15	82-83	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG XUÂN HUY	BK15	79-80	2	18	20	63	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HÀ	BK15	81	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ TẠ HÙNG	BK15	84	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HOÀN	BK15	85	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRUNG	BK15	86	1	10		75	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	08	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10	04	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	07	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN BAO TOÀN	P10	800	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH CÔNG VĂN	P10	03	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ TUẤN ANH	P10	05	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ TRẦN TRUNG	P10	85-86	2	10		70	CODIEN	Vietnamese
15	VŨ TIẾN PHỤNG	P10	88	1	9	20	65	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN BÁ THUẬN	P10	87	1	14	20	72	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	P10	98	1	7		67	YTE	Vietnamese
18	TRẦN VIỆT LY	P10	01	1	5		74	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN MINH	P10	06	1	5		87	PSV	Vietnamese
20	LÊ VIỆT KHANG	P10	02	1	4		66	PSV	Vietnamese
21	ĐÀO VĂN DUNG	P10	99	1	4		68	PSV	Vietnamese
22	ĐOÀN TIẾN LŨ	CTK3	16-17	2	14		67	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	7	9	102	460	20	0		
2	P10	14	15	89	1.004	40	17		
3	CTK3	1	2	14	67	0	5		
TOTAL		22	26	205	1.531	60	22		
WEIGHT KG				205	1.531	60			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2021	TO: PVD2 - P11 - BK4	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hạng - N.Anh - N.Nam	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN THIEN SON	PVD2	44-45	2	17	40	65	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN CHUNG	PVD2	42	1	15	5	74	KHOAN	Vietnamese
3	HUYNH VŨ TÍNH	PVD2	40	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÀO VĂN YẾN	PVD2	35	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
5	LƯƠNG MẠNH HAI	PVD2	30	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	PVD2	43	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC HƯƠNG	PVD2	29	1	11		100	KHOAN	Vietnamese
8	LÀ MINH TỰ	PVD2	31	1	13		60	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO VĂN TRÚC	PVD2	32	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
10	BUI BA KIEN	PVD2	39	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
11	HA NGOC LAM	PVD2	36-37	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN TRUNG	PVD2	41	1	12		58	KHOAN	Vietnamese
13	NGO MINH CHANH	PVD2	38	1	11		61	KHOAN	Vietnamese
14	LE DAC TRIEM	PVD2	33-34	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN LÊ	BK4	25-26	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI ANH TUAN	BK4	21-22	2	8		66	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN CHIẾN	BK4	23-24	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THĂNG	BK4	27-28	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ HỒNG LONG	BK4	29-30	2	10		67	XAYLAP	Vietnamese
20	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	54-55	2	7		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	14	17	162	970	45	1		
2	P11	0	0	0	0	30	4		
3	BK4	6	12	76	401	0	17		
TOTAL		20	29	238	1.371	75	22		
WEIGHT KG				238	1.371	75			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN






FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	TO: HSD - AMD - P9	CREW: QViệt - MMinh - Huy	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN THOA	HSD	31	1	12	40	75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC DƯ	HSD	30	1	5		68	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN ĐA KHA	P9	396	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese
4	TRỊNH THÈ NHÂN	P9	91	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUY	P9	89	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH HIẾN	P9	97	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HỮU TRÍ	P9	87	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	85	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI CÔNG THẮNG	P9	86	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TIỀN PHƯỢNG	P9	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH HUY KHIÊM	P9	94	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	P9	397-398	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	90	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	HUÀ SẦY	P9	95	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ HỮU CHÍNH	P9	395	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN QUANG	P9	400	1	5	105	71	T-TIN	Vietnamese
17	ĐOÀN MINH QUỐC	P9	399	1	11		81	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC MINH	P9	98-99	2	9		70	PSV	Vietnamese
19	BUI ĐẮC CẢNH	P9	93	1	8		65	PSV	Vietnamese
20	DƯƠNG VĂN THƯ	P9	96	1	4		68	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HAI TRUNG	P9	500	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU TUYẾT	P9	92	1	6		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	2	2	17	143	40	0		
2	AMD	0	0	0	0	0	1		
3	P9	20	22	124	1.374	105	21		
TOTAL		22	24	141	1.517	145	22		
WEIGHT KG				141	1.517	145			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:20
FLIGHT: 12	TO: TD2	CREW: Phuong - ĐTrung	ETA: 14:30
DO - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO VĂN MINH-PVDT	TD2	22	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
2	GILEMKHANOV RUSLAN	TD2	29	1	6		83	KHOAN	Russian
3	IAKHIN RUSTEM	TD2	20	1	5		80	D-HANH	Russian
4	ĐÀU VĂN XUÂN	TD2	24	1	4		61	GETRACO	Vietnamese
5	LÊ XUÂN THANH	TD2	26	1	6		61	GETRACO	Vietnamese
6	DƯƠNG THANH TUNG	TD2	23	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
7	ROZGON ALEKSEI	TD2	25	1	7		94	D-HANH	Russian
8	REZNIKOV VLADIMIR	TD2	27	1	11		92	D-HANH	Russian
9	NGUYỄN TRƯỜNG TUNG	TD2	21	1	8		68	D-HANH	Vietnamese
10	KARAVKA IVAN I.	TD2	28	1	7		107	KHOAN	Russian
11	BOGACHEV VADIM	TD2	30-31	2	13		98	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	11	12	77	883	0	6		
	TOTAL	11	12	77	883	0	6		
	WEIGHT KG			77	883	0			

GRAND TOAL: 960 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN